

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5

(Phần Hạ)

Tiếp “Nhưng Chánh nhân này...”: dùng Chánh ấm nhập đối tu duyên liễu, tam nhân lục pháp bất tức bất ly. Nói “Chánh nhân...”: Là xen nhau nêu nhất biên. Lẽ ra nói: “ấm nhập” cùng “tánh chánh nhân” bất tức bất ly, lại cùng tu đặc duyên liễu bất tức bất ly, chánh nhân cùng với lý lục pháp cho nên bất ly, chỉ lý cho nên bất tức. “Duyên liễu” cùng “lục pháp” cũng lại như vậy.

Hỏi: Trong văn vì sao làm thuyết thiên lệch?

Đáp: Bởi vì dễ hiển bày. Chánh vốn bất ly nay thêm bất tức, duyên liễu bất tức nay thêm bất ly. Cho nên cần phải đều đầy đủ mới gọi là tận lý. Đây dùng thí dụ Sờ voi trong Đại kinh. Văn dụ đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba dẫn chứng:

Nói “lục (sáu) pháp”: là ngũ ấm và thân ngã, cho nên sáu thứ đây cũng gọi là “chánh nhân”. Đồng thuộc khổ, cho nên cũng gọi là “duyen liễu”, kiêm Hoặc nghiệp. Trong đây phải có thông biệt hai đối. Biệt đối: Trong sáu pháp thì Hành ấm và Thân ngã là Duyên nhân chủng, số còn lại và Sắc ấm là Liễu nhân chủng, Thức ấm là Chánh nhân chủng. Nếu thông đối thì đầy đủ như văn này. Sáu pháp tánh đức Chánh nhân cùng sáu pháp tu đặc Duyên liễu bất tức bất ly, cho nên tu sáu tánh sáu nhất thể không sai khác. Phải biết rằng: Ấm nhập chỉ là thường trụ. Nếu đem văn đây cùng trong Chỉ Quán đối thông biệt, thì kia đối với ba đức bốn đức của Đại kinh đều có ý kia. “Đạo tràng...”: Quả lý trước thành cho nên nói “cửu sướng” (từ lâu thông suốt). Lại, hưởng về Tịch diệt đạo tràng hơn bốn mươi năm, gọi là “cửu sướng” (từ lâu vui thích thông suốt). “Vật tình chướng nặng”: Chỉ trừ Viên trong tam vị, ngoài ra đều là chướng nặng. “Vân vân”: Trải qua bộ, căn cứ vị, phân biệt vi tế. “Văn trên có bốn”: Chuẩn theo trên thì chỉ có ba: 1. Ý xuất thế. 2. Khai quyền. 3. Hiển thật. Nay đã nói bốn thì phải biết văn trên cũng có thể chia làm bốn, nên nói ý thứ tư là: Tổng dùng Nhân nhất Lý nhất, kết ba

đời ở trên, có thể không như trên. Lý hợp văn biệt cho nên nay nói bốn. Lại có hai thứ không đồng: 1. Trên thì trước khai quyền tiếp hiển thật, nay thì trước hiển thật tiếp khai quyền. 2. Văn trên trong Thật chỉ có Giáo Hạnh, nay đây thì Lý Giáo hoặc là Lý Hành. Không đồng không ngại nên không nói riêng.

“Chỉ thượng bản hạ”: Văn phẩm Thí Dụ dưới dùng đây làm bản, thí dụ ất có pháp cho nên gọi là “bản hạ”. “Văn nghĩa giao gia”: Trong đây chỉ dưới đến dưới chỉ đây, cho nên nói “tâm số...”. Chương An dự điểm khiến không mê loạn, mê loạn tại người độn lợi, vì sao lo buồn? Nhưng các sư phân thí dụ cùng pháp xen lẫn đời trước lẫn lộn ngăn cách muốn làm thí bản chấp định chẳng theo, cho nên trước trình bày “phi”, sau mới chánh giải thích. Đầu tiên sư nêu năm thí dụ: 1. Thí dụ Trưởng giả tức văn “quốc ấp...”. Pháp thuyết tức chỉ văn “Nay ta cũng như vậy...”. 2. Thí dụ Tư duy cứu giúp, tức văn: “Trưởng giả suy nghĩ rằng...”. Pháp thuyết tức chỉ văn: “Ta dùng Phật nhãn xem thấy...” 3. Thí dụ Quyền dẫn, tức văn: “Bây giờ Trưởng giả liền suy nghĩ rằng...”. Pháp thuyết tức chỉ văn: “Ta xưa ngồi đạo tràng...”. 4. Thí dụ Bình đẳng, tức văn: “Bây giờ Trưởng giả đồng ban cho xe...”. Pháp thuyết tức chỉ văn: “Ta thấy các Phật tử chí cầu...”. 5. Thí dụ Bất hư, tức văn: “Xá-lợi-phất! Ý ông...”. Pháp thuyết tức chỉ văn: “Các ông chớ có nghi...”.

Nếu đối nay, thì Thí dụ thứ nhất là tổng dụ, tổng dụ có sáu: 1) Lẽ nào chỉ một Trưởng giả cho nên không dùng. Thí dụ thứ hai: “Tư duy cứu giúp”, đối nay là cứu con không được, chỉ là trong Biệt thí dụ dùng lại dự định thích nghi thí dụ đó thôi! Cho nên biết rằng: chỉ nói tư duy cứu giúp thì lý đó không trọn cho nên dùng lại cứu con, trong đó có ba: Dự định thích nghi, không có căn cơ, thôi hóa độ. Không nên chỉ riêng nói tư duy cứu giúp. Thí dụ thứ ba trở đi, thì nay là từ “Ta dùng” trở đi ở trong Biệt thí chia làm sáu ý, kia chỉ có ba. Thí bản không đủ cho nên cũng không dùng. Dao sư dùng trọn chương Ngũ Phật dùng để hiển Thật. Nói “bốn chương”: Hợp chương đầu ở trong chương Thích-ca, mà dùng Quyền Thật hợp làm một chương. Dùng chương Ngũ trước làm Bất đắc thuyết nhất, lại dùng văn “đốc thúc” làm Bất đắc đều không đúng văn, cho nên không dùng. Mà nói trong thí dụ chỉ có ba thì thiếu Thí dụ thứ ba: Ý bất đắc do trong thí dụ không có văn đây, cho nên gộp chung thì không đồng nhất. Trong văn liệt kê ra bên dùng khai quyền làm Thí dụ thứ nhất. Khai quyền tức hiển thật, nên đối với Thí dụ thứ hai Đồng ban xe lớn. Đây thì Thí bản và Thí rất là sơ lược. Nhưng trong trường hàng chương môn Ngũ Phật chư Phật, còn tổng quát lại thiếu

Ngũ trước. Ba Đức Phật căn cứ theo lệ văn kia lại lược. Đức Thích-ca hóa chủ văn tướng ít tùy thuận cho nên chỉ chọn Thích-ca chia làm bốn chương. Ngài Dao sư thì phí phạm nên không dùng. Tiếp, đến hai ngài Long sư và Sưởng sư đều lập thành sáu dụ, theo cách nói tựa như sai khác mà ý kia không khác. Hai sư đều không lập Tổng thí, không thể dùng đối với phương tiện lược tụng, ở trong Biệt thí văn rộng tụng lược, sáu nghĩa trong đó vẫn trước chia làm bốn, các phần nhỏ lại nhiều. Cho nên biết hai sư đều cùng phẩm thí dụ, nghĩa không tương đương, bởi vì thí dụ ba, thứ tư chỉ là nay thí dụ thứ hai “Nghĩ Đại thiết lập Tiểu”.

Lại, văn “Bất hư” hợp tán thán pháp hy hữu mà không thuật ý kia, cho nên không dùng. Tiếp đến ngài Quang Trạch phân làm mười thí dụ nói: Đầu lập tổng thí cùng nay văn đồng, chỉ chín thí dụ dưới đối với nay tức là rộng tụng sáu nghĩa, nếu đối với văn đây thì chín thí dụ dưới chỉ nên hợp làm bốn. Trong đó Thí dụ thứ hai có bốn hàng là nghĩa nay “Thấy lửa”. Tiếp, “Ta xưa...” là thứ ba có sáu hàng rưỡi, và thứ tư có mười một hàng nêu Tam thừa hóa đắc, là nay ý “nghĩ Đại thiết lập Tiểu”. Tiếp, “Ta thấy...” là thứ năm... tổng có năm văn sáu hàng là nay ý “hiển Thật”. Tiếp, “Các ông...” là thứ mười, một văn là nay văn “Bất hư”. Các nhà chú giải nay phân nhỏ hơi giống ngài Quang Trạch, nhưng cùng “Tín giải đời trước” không đồng, cho nên không chia nhỏ. “Có người...”: đây là người khác đem nghĩa nay nhưng lẫn lộn với Quang Trạch, cho nên đem ý đây để nạn vấn Quang Trạch. Cùng là chia nhỏ tại sao không làm mười chín câu, dùng mười dụ của Quang Trạch đối nay tổng sáu biệt bốn, tổng biệt đều khai hợp có mười tám câu, thêm một câu Quang Trạch thành mười chín câu? Vì sao Quang Trạch dụ thứ nhất tức nay Tổng thí, lẽ ra chia làm sáu, Quang Trạch chỉ hợp làm một? Dụ thứ hai “Thấy lửa...”, nay trong biệt chia làm bốn thí, Quang Trạch lại chia làm chín? Một thấy lửa nay chia làm ba, Quang Trạch chỉ một. Dụ thứ ba: “Ta xưa...” tức nay văn biệt chia làm bốn trong đó dụ thứ hai Nghĩ đại cho Tiểu, Quang Trạch chia làm hai văn. Quang Trạch dụ thứ năm... đến thứ chín tổng năm đoạn văn nay hợp làm một dụ Đồng ban xe lớn, tức thí dụ thứ ba trong bốn biệt thí. Cho nên Quang Trạch dụ thứ năm: “Ta thấy các Phật tử” và thứ sáu đều dùng hai văn. “Đem tâm cung kính”, tức nay văn thí dụ thứ ba Đồng ban xe lớn trong bốn biệt thí: chia làm bốn văn, trong đó tức văn đầu trên. Thứ bảy “Ta liền...” tức nay văn trong bốn biệt thí, văn thứ hai trong văn thứ ba, tư. Thứ tám: “Ở trong các Bồ-tát...” tức nay văn thứ ba trong văn thứ ba, tư của phần bốn biệt thí. Thứ chín “Bồ-tát nghe...” tức nay văn thứ

tư trong văn thứ ba, tư của phần bốn biệt thí. Thứ mười “Bất hư” tức nay một văn thứ tư trong bốn biệt thí, lại chia làm ba: Nghĩa là tán pháp hy hữu và bản bất hư cho đến lập văn đốc thúc tin. Đây chính là trong Biệt chia thành mười hai. Ngài Quang Trạch lại chia trong bốn biệt thí của văn nay trong văn thứ ba thứ tư, đầu văn là Thoát nạn, xin xe hai văn, nay đã quá chi tiết chỉ làm mười tám câu. Nếu dụ thứ sáu trong mười hai biệt lại chia làm hai thì có bốn lỗi bởi do đây. Đã chia làm hai thì thành mười ba và trong tổng sáu hợp thành mười chín, tại sao không gọi là mười chín câu ư? Nay tuy mười tám không gọi là mười tám câu, là vì Pháp, Thí đời trước tín giải không có nghĩa đây. Muốn khiến thông có lại hợp làm năm hoặc tổng biệt hai, chương đoạn đã ít trên dưới để đồng. Cho nên, trong văn nay có ba loại phân văn: Quang Trạch định làm mười không có thừa thiếu, tiến không thành mười chín, thoái không thành năm, tổng biệt rộng lược lại không tương đương, hướng chỉ khai đại căn cơ lấy làm hai đoạn. Trong pháp có trở ngại nên không hợp khai. Nhưng đối với các sư thì Quang Trạch là hơn hết. Hoặc dùng đến trong sáu nghĩa, hoặc lập sáu nghĩa này tức thu nhiếp mười chín vào trong sáu nghĩa đây, vì sao không chỉ nói làm sáu nghĩa ư? Vì sao? Vì dựa vào sáu của tổng trước chấp nhận hợp làm một, trong bốn biệt chỉ tách thứ hai làm hai đoạn, tức làm năm chương, đối với một tổng trước tức thành sáu nghĩa. Nếu hoàn toàn y văn đây thì chỉ thành năm nghĩa. Người khác lại dựa vào sáu nghĩa làm lời vấn nạn. “Lại, mười dụ đến nổi so le (không đều)...”: là khai làm mười thí dụ, pháp thí hai xứ còn tự so le hướng chỉ cùng văn Tín giải v.v... hợp ư? Cho nên “Pháp thuyết...” nêu tướng không đều (so le). Lại, Quang Trạch câu số cùng nay chia nhỏ tựa như đồng, mà chương mục chưa ổn cho nên cũng không dùng. Dưới kết nói bốn lỗi: 1. Trước sau. 2. Đại tiểu. 3. Có không. 4. Dẫn văn. Nay đầu tiên lỗi trước sau không đồng: Nếu nay trong phân biệt chia nhỏ, nghĩa thứ năm tách làm năm, sáu và văn thứ bảy làm cha vui mừng thì đối với Pháp thuyết Đòi xe, cha vui mừng trước sau, xen lẫn trở về. Nói trong Pháp thuyết Đòi xe ở trước: Trước nói: “Xá-lợi-phất nên biết ta thấy Phật tử... đến cầu Phật đạo...” hai hàng tức xin xe ở trước, tức Quang Trạch là văn thứ sáu. Tiếp một câu cuối cùng trong hai hàng một câu, mới nói “nay vui mừng”, không sợ, tức cha vui mừng ở sau. Trong thí thuyết cha vui ở trước: Trước nói: “Bấy giờ Trưởng giả thấy các con an ổn được ra khỏi nhà lửa...”. Xin xe ở sau...: Tiếp văn mới nói: “Bấy giờ các con đồng thưa với cha rằng...” Nếu trong mười thí dụ của Quang Trạch hợp ở hai đoạn năm, sáu đồng làm căn bản một dụ

Xin xe và căn bản dụ Thoát nạn thì không thể nói căn bản dụ Vui mừng tức không có lỗi đây. Nói tuy muốn hợp thông mà ví như nói quanh co để thông nói “do vui nên xin, do xin nên vui”, cũng chưa tiện ổn, cho nên nói “gọi là quanh co”. “Lại, Đại tiểu...”: ở trong Đại tiểu lại làm ba lỗi. Nói trong Pháp thuyết Đại căn cơ động: Tức Đại tiểu không đối. “Nay ta vui vô úy” lại tiến dùng câu dưới nói: “Ở trong các Bồ-tát”. Cho nên biết đây là thấy Đại căn cơ động cho nên vui. Nếu nói: “Thấy các con được an ổn được ra khỏi nhà,” cho nên biết đó là thấy tiểu căn cơ thoát nạn nhà lửa cho nên vui. Tiếp, Nhân quả không đối: Trong Pháp thuyết ý nói: “do xưa không tin,” cho nên nói: “Xá-lợi-phật nên biết cho đến nay ta vui vô úy,” nên biết là nhân Đại thừa. Trong Thí nói thấy các con được ra khỏi nhà lửa, cho nên biết là quả Tiểu thừa. Trong Pháp thuyết đại chương sắp nghiêng, vậy sau liền nói: “Bồ-tát nghe pháp ấy thì lưới nghi liền trừ,... trừ không xa”. Trong Thí thuyết nói: “an ổn được ra”. Cho nên nói Tiểu quả có ba lỗi đây, lỗi do Quang Trạch dùng văn thứ năm, sáu, bảy, cho nên làm căn bản thí dụ chưa gọi là tiện ổn. Nói “Lại có không khác”: là phá trong mười dụ kia thì thứ sáu là căn bản của thí dụ Đòi xe, trong văn Pháp thuyết không nói Đòi xe, đến trong Thí thuyết vì: “căn chướng lợi” do đó mới có, cho nên không được dùng làm căn bản của thí dụ Đòi xe, huống chi Pháp thuyết trong đó chỉ nói: “Ta thấy các Phật tử... chí cầu Phật đạo”, chẳng liên quan đến nhị thừa đòi xe Tiểu thừa. Lỗi thứ tư: “Nếu dẫn...”: gọi là lỗi dẫn văn. Lẽ nào được lạm dụng văn nói “lai chí” liền làm căn bản thí dụ Tiểu thừa Đòi xe. Đây theo hợp trách làm bốn biệt thí, cho nên biệt thí với văn thứ ba hợp làm một văn đồng ban cho xe. Dù cho chia đây làm bốn, thì: 1. Gọi là Đại thừa cơ động làm bản thí dụ Đòi xe sau chỉ không được nói Đòi xe nhỏ (Tiểu), cho nên trước căn cứ Đại tiểu, trong đó phá nói: “thí thuyết trình bày tiểu quả”, chỉ nói trình bày Tiểu mà tình thì cầu nơi Đại, tức gọi là “cơ động”, cho nên nói “sai khác không thấu hiểu ý văn”. Cho nên biết văn kia tự nó là đại cơ sắp động. “Nhưng có, không...”: văn nay tự biện rõ đồng khác có sáu. Đầu tiên trong “có, không”: nói “trường hàng có chân ngụy” tức là văn giả ngụy đốc thúc tin. Nói “trong kệ thì không”: Đây là hoàn toàn thuận xưa dùng bảy hàng kệ cuối làm pháp thuyết lưu thông. Nếu dựa vào ý này lấy bảy hàng đây làm văn đốc thúc tin, thì thiếu một ý “có, không” này. “Trong tụng có tán pháp”: Từ “Chư Phật hưng xuất...” là văn bốn nạn, trong trường hàng hoàn toàn không có. “Theo thứ lớp, phần trường hàng trước khai tam sau hiển nhất”: trong trường hàng đầu tiên nói: “Xá-lợi-phật.

Ta nay cũng lại như vậy, biết các chúng sinh có các món dục...”. Lẽ nào chẳng phải thiết lập Tam?

Tiếp, văn nói: “Như thế đều vì đặc nhất Phật thừa”, tức hiển nhất. Trong tụng, đầu tiên là tổng tụng hai hàng, thì hàng đầu hiển Thật, hàng sau thiết lập Quyền. Cho nên trước nói: “an ổn và chỉ bày (thị) Phật đạo”. Tiếp, văn mới nói: “Ta dùng sức trí tuệ biết chúng sinh tánh dục”. Nếu chấp văn Biệt thí thì trước tiên trong Ngũ trước lại chia làm ba: Mắt năng thấy cũng nên hiển Thật. Tiếp, lửa được thấy và nghĩ Đại thiết lập Tiểu đều thuộc Quyền. Nếu luận đại ý của Biệt thí, thì cũng là trước quyền sau thật. Nếu lấy tổng tụng, thì hàng trước hiển Thật hàng sau thiết lập Quyền. Trong “Khai hợp”, nói: “Đầu tiên hợp mà không khai”: là “Nếu được...” hai kệ chỉ là vì tổng thí mà làm căn bản, nên nói hợp mà không khai. Nếu dùng hai kệ tách làm sáu thì tổng cũng có biệt, vả lại từ hợp thuyết, cho nên đối với thí dụ dưới cũng lại phân. “Văn Ngũ trước tách làm bốn căn bản thí dụ”: E rằng văn lầm, lẽ ra nói ba căn bản thí dụ tức trong bốn Biệt thí thì văn đầu lại làm ba: tức là Năng kiến, Sở kiến, Kinh sợ vào. Đối văn thí dụ dưới vẫn có bốn. Kia dùng Thí dụ thứ tư rộng nêu thấy lửa, hợp tại văn thứ hai, cho nên biết chỉ có ba.

Tiếp, trong phần “Nêu Thủ xả” nói “Bốn đoạn kinh văn chia làm sáu thí bản”: “Bốn đoạn”: là Biệt bốn. “Sáu thí”: Chia Ngũ trước làm ba và ba đoạn dưới tức là sáu. “Tán pháp chẳng phải căn bản của sáu thí dụ”: ở trong bốn biệt, tách đoạn thứ tư nêu tán thán pháp, đốc thúc tin, chẳng phải căn bản sáu thí dụ dưới. Tiếp, trong phần “Tổng biệt, đầu tiên khai tam hiển nhất”: tức hai hàng đầu tổng tụng. “Bản tích”: Lại căn cứ tích luận bản tích, tức pháp thân là Bản, khởi ứng là Tích. Tức đây chương đầu chia làm ba ý: Nhân năng kiến là Bản. Thứ ba đại bi là Tích. Thứ hai sở kiến chấp là nguyên do chư Phật thù tích. “Vân vân”: là cần rộng căn cứ tích bản, lâu mau, xưa nay, thể dụng... để phân biệt đồng khác, đầy đủ như trong Huyền Văn quyển sáu. Lần nữa bản tích và trong Tựa trước đã lược xem xong. “Nay nói...”: là chính nêu nghĩa tông, tông chỉ biệt, cho nên nói “chính là...”. Trước trực “Pháp thuyết...” là muốn phá các sự lập thí dụ không thể tận lý. Cho nên, trước đưa ra tam chu lý đồng, tiếp đến “Nếu làm...” là biện rõ lỗi xưa thí, nên nói nếu làm ba, sáu, mười thí dụ thì đối tam chu văn không hợp. Như trước đã nêu ngài Dao sư làm ba dụ, ngài Sương sư và Long sư đều có sáu, Quang Trạch có mười. Nhưng nay văn chẳng phải không lập nơi các số ba, sáu mà chỉ vì phân tiết dư thiếu cùng chỗ khác không đồng.

Nói “đối tam chu thì văn không hợp”: Pháp thí không hợp đã lược như trên. Đối với văn nói “đời trước” thì chỉ có thể chia làm hai thí ba thí, cho nên phân nhiều thì không thể. Nói “Bốn người tín giải trái ly”: Nếu đối tín giải chỉ có thể tổng sáu, biệt bốn, nếu đối tha năm, ba, sáu và nay mười tám thì trái tương ly phân, đầy đủ như trước phá mười thí dụ của Quang Trạch, cho nên phá xưa đã tự lập ba... Nay lập ba, như văn dưới nói, lại nhất thời ba thí, hoặc là năm như tổng một biệt bốn. Hoặc là sáu, như tổng biệt đều sáu. Hoặc là mười, tức tổng sáu biệt bốn. Cũng có thể là mười một, tức tổng một biệt mười. Cũng có thể là mười sáu, tức tổng sáu biệt mười. Cũng có thể là mười tám, như mười tám câu trước. Chỉ bản dưới theo trên thì không tương ứng. Nếu muốn thông trên dưới không sai thì chỉ y ba tiết mà giải thích văn. Nếu ứng bốn xứ (chỗ) thì chỉ là ba thí bốn thí. Nếu chỉ tại pháp thí thì lược sáu rộng sáu. “An ổn... trụ xứ”: Đức Phật vì đã chứng cũng khiến chúng sinh trụ nơi xứ này, mà nay chúng sinh còn trụ trong tam giới là xứ không an ổn, tâm Phật đại bi đến nỗi khiến kinh sợ mà vào. Nói “Chủng chủng pháp môn tức đối bất chủng chủng”: là cũng là từ bản ý Phật để nói. Như Lai vốn dùng một môn lợi vật sự không thâm hoạch, thiết lập chủng chủng môn mà ý thiết lập Quyền vốn tại hiển Thật, cho nên nói “tuyên thị (bày) Phật đạo”. Phật đạo chỉ có Thật, dùng Quyền đối Thật, dẫn Quyền nhập Thật cho nên nói “tương đối”. Tương đối chỉ là ý cảm ứng thôi!

“Bản mặt tương thừa (nối nhau)...”: Bản pháp thuyết, mặt thí dụ... “Vân vân”: như dưới dẫn. Nói “Trong rộng tụng sáu nghĩa trên chia làm bốn”: Nếu đối bốn biệt, thì cái thứ tư phân làm ba gọi là “sáu nghĩa”. Nếu cái thứ tư làm một, thứ nhất làm ba thì chỉ gọi là “sáu thí”. Nếu nói sáu nghĩa thì không ứng với văn thí dụ, chỉ có thể tụng trên, cho nên chỉ nói sáu nghĩa. Nếu làm căn bản thí dụ thì hợp bốn, năm, sáu, chỉ làm một Bất hư. Trong đây có độc thúc tín, độc thúc tin tức giản lược ngục, cho nên biết văn trên không được nói không. Vậy thì biệt sáu rộng nơi tổng sáu. Cho nên, nay chỉ hợp sáu nghĩa làm bốn. “Nếu lại chia nhỏ khai”, hoặc muốn lại phân chia nữa thì như trước trong biệt chia làm mười hai câu, vì đối các văn trên rộng cho nên khai, vì đối các văn dưới lược cho nên hợp. Xưa dùng bảy hàng cuối cùng làm pháp thuyết lưu thông, nay văn không dùng. Nếu đối với thí dụ và văn nói “nhân duyên đời trước” về sau, thì tuy giống như lưu thông mà chẳng phải lưu thông, do đó người thấy nói đời sau thì cho rằng giống lưu thông. Cho nên xưa theo lệ đó lấy làm đặc ý; văn ý không như vậy. Cuối phẩm Thí Dụ, chỉ vì Thân-tử làm tam chu thỉnh Hóa chủ, tự mình đã đặc ngộ, lại vì hàng

trung căn mà lần nữa lại thỉnh thuyết thí dụ. Đã đáp thỉnh rồi cho nên dùng pháp này mà lược giao phó. Luận cho cùng thì chỉ là chỉ cho kia tội phước của tin và hủy báng. Nếu vậy, thì tại sao không đợi sau chu thứ ba, một lúc giao phó? Sau thí dụ đã giao phó pháp thuyết trước, sau vì sao không giao phó? Đáp: Đến cuối tam chu thì tự có lưu thông rộng giao phó cả Bồ-tát, đâu riêng gì Thân-tử. Như trong văn dưới: Còn không thiên vị giao phó cho Bồ-tát phương khác, đâu riêng gì Thân-tử. Cuối chu Pháp thuyết Thân-tử lãnh giải đầu tiên, tự tu hạnh mới thành chưa Thích nghi lợi vật. Song, ý chỉ Đại thừa tại Phật không cần phải khổ nhọc luận! Dùng tụng tán pháp, đốc thúc tin: Nhưng trong văn trên liệu giản “có, không” nói “trong tụng không có chân ngụy” tức không có đốc thúc tin. Nay trong đây dùng tụng tán pháp, đốc thúc tin, tức chỉ là cách chung khuyên phàm phu khiến họ sinh lòng tin, cho nên nói tán pháp khuyên tin. Do không nói “chuyên đốc thúc Thanh-văn” cho nên trước nói “không”.

“Nay chỉ tụng Số, Danh, Thế ba thứ”. Trong đây từ “Lục đạo” trở đi là tụng Ngũ trước bên trên, đây năm tức số, sáu ắt năm. Đây “bần cùng...” tức xuất thế, do năm pháp đây tức gọi là “trước”, cũng không có biệt danh. “Nêu dưới chứng trên...”: Đây dẫn văn “Trưởng giả ở ngoài cửa”, “vào” tức khởi ứng thân, “ngoài” tức Pháp thân. Lại nói Phật nhãn cho nên sở kiến căn cơ tức Phật pháp giới. “Nếu căn...”: tư duy không có căn cơ Đại thừa, mới nhập Lộc uyển. Bắt đầu Lộc uyển đã nói Viên chiếu cho đến Nhất thừa, cho nên biết Hoa Nghiêm, Phật tuệ không khác biệt, không thể ở đây gượng sinh phân biệt. Trong cụm từ “đều gọi là Phật nhãn vân vân” thì “vân vân” là: lẽ ra rộng phân biệt đây là năm nhãn thứ lớp và không thứ lớp mà biện rõ thể dụng. Cho nên, quán sắc v.v... dùng bốn nhãn, từ bản đặt tên vẫn gọi là Phật nhãn. “Bần cùng...”: là Chúng sinh trước. “Bần” là do không phước, “si” là do không tuệ, si bần chúng sinh tụ tại một chỗ cho nên gọi là “trước”. “Nhập sinh tử” là Mạng trước: Ở trong sinh tử lại thêm đường hiểm, trong đường hiểm thì mạng dễ bị đoạn, tức ở chỗ thọ mạng ngắn mà còn tương tục, là Mạng trước. “Ngũ dục” là Phiền não trước. Danh thể tối hiển. “Không cầu Đại thế Phật...” là Kiếp trước: Trong kiếp không có Phật cho nên gọi là “trước”. Bốn trước sinh đây cũng không sở cầu. Kiếp nếu có Phật thì tuy trước mà có thể phá. “Nhập tà” là Kiến trước, danh thể cũng hiển. Sáu mươi hai kiến, nhiều nên gọi là “các”. “Hoặc nói các kiến tức là thọ”: do kiến đây cho nên có ba thọ, thọ các kiến này nên nói kiến tức là thọ, ba thọ đều là khổ. Lấy khổ thọ đây muốn xả khổ

thì không có việc ấy. “Nguyên lai của ngũ đạo”: là nhân trong ngũ đạo. Từ một đến một cho nên gọi là “thứ” (hướng đến). “Suy” chỉ là tặc năng hao tổn. “Luận Tỳ-đàm nói: địa ngục sơ sinh niệ”m”: là lúc sơ sinh của tất cả các địa ngục đều có ba niệ”m, biết nơi đây là địa ngục, do nhân kia cho nên sinh từ nơi kia đến. Văn đây tựa như không đủ nghĩa mà đã đủ ba. “Lại nói”: cũng là văn của luận Bà-sa. “Ngũ đạo đều có tự pháp như vậy”: đầy đủ như trước trong phần giải thích Bát tư nghi. “Giải thoát đạt phần”: Niết-bàn gọi là “giải thoát”, sở tu thiện căn không trụ sinh tử gọi là “đạt”. Phần giải thoát của Thanh văn tam sinh, Bích-chi-phật trăm kiếp, gọi là “giải thoát phần”. “Đắc chánh quyết định”: là sơ quả. Luận Bà-sa nói: Thế nào là đắc thiên tức căn bản thiên? Vì sao quyết định tức là vô lậu? Dùng tâm vô lậu tu các thiên định, đắc nhập sơ quả tức thiên định đây mà được giải thoát, giải thoát là sơ quả tức quyết định. “Trong cõi trời” cho đến “cần dùng liền được v.v...”: lẽ ra nói chư thiên tự nhiên báo tướng, hết thấy y báo đều là biến hóa mà có, và sơn hà lưu xuất thật báo kia đắc. Căn cứ thời thọ báo gọi là “tự nhiên”. “Địa ngục” cho đến “trung gian có thể biết”: là trong loài người ở quá khứ có thuận hậu nghiệp, nghiệp kia chưa mãn, đến trong địa ngục, gặp duyên năng khởi các tâm như vậy, nghiệp liền thành tựu. Ở trong địa ngục không có thân khẩu hiện hành, chỉ tại khinh báo, chẳng phải vô gián. Rộng phân biệt có thể biết, cho nên nay không luận.

“Trung ấm treo lộn ngược”: Luận Câu-xá nói: Thiên đạo thì trung ấm đầu hướng lên, ba đạo kia thì nằm ngang, địa ngục thì quay xuống dưới. Đây căn cứ loài người thì Trời ở trên người. Bằng sinh và quỷ cùng ở châu này, cho nên không phải lên, xuống. Ngục tại dưới châu này, cho nên nói đầu quay xuống. Từ địa ngục đến sinh trong loài người, thì lý hợp đầu hướng lên; quỷ, súc sinh cũng như vậy. Từ cõi trời đến sinh trong loài người thì đầu kia ắt quay xuống. Các nơi khác đều theo lệ đây. “Ban đầu đem tội nhân đến chỗ Diêm vương...”: Hữu tình, phi tình đều bị cộng nghiệp chiêu cảm mà làm tâm biến đổi. “Ban đầu đều là chánh ngữ...”: Đầu tiên đến địa ngục như ngôn ngữ vốn có; sau thì chỉ là các tiếng ba ba (sóng âm) không còn có thể rõ. “Thời kiếp sơ...”: Trong các giáo tướng thì súc sinh có thể nói, đều là thời này. “Hậu sinh nói Tổ phụ” là theo ban đầu mà đặt tên. Thứ hai, hậu sinh cũng là tổ phụ của hậu sinh. “Trước là nhân duyên...”: Từ dẫn “kinh A-hàm” trở xuống tức giải thích theo Quán tâm. Trong nhân duyên trước cũng đầy đủ ý tứ Tất-đàn: Ngũ đạo không đồng tức Thế giới Tất-đàn. Nhân (người) là sở vi , tức Vị nhân Tất-đàn. Ác là sở phá, tức Đối trị Tất-đàn.

Thiên là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. “Hậu tợ quán tâm”: Từ tâm phân biệt nghĩa, nghĩa đương quán tâm. Lục đạo không đồng, lược như trong Chỉ Quán quyển hai nói. Các luận và các kinh Tiểu thừa phân biệt rất rộng, không cần thì không liệt kê.

“Ta xưa ngồi đạo tràng...”: Căn cứ dưới dẫn ý Tiểu Vân sơ chỉ Hoa Nghiêm. Cho nên Địa luận nói: Sau khi Đức Phật thành đạo tuần thứ hai nói kinh Hoa Nghiêm. Người đời giảng nói thì trách kinh Pháp Hoa ứng lời Phật dạy. Hoặc trách Địa luận lỗi nơi Viên tông. Nay hỏi: Tuần thứ hai nói kinh Hoa Nghiêm như trên dẫn và ba tuần trong kinh Pháp Hoa có gì sai biệt? Dù dài ngắn không đồng và sở thuyết đều khác, chỉ là cơ biệt hiển mật có khác. Thời thuyết đã vậy thân tướng cũng thế. Phải biết kinh Pháp Hoa là Báo Phật sở thuyết. Như luận nói: Báo Phật Bồ-đề như kinh nói “Ta thành Phật đến nay...”, Ứng Phật Bồ-đề thì chỉ Già-da. Cổ Đức đều nói: Già-da đã chẳng phải thì thời gian dài kia tại sao riêng đúng? Tức thành pháp Phật thuyết. Địa luận đã nói Tuần thứ hai chính là tiêu biểu Ứng Phật nói, đâu phải Báo Phật thành và để thuyết pháp ấy là tuần thứ hai! Theo lý mà nói thì kia đây không sai khác, căn cơ thấy chẳng phải là một, Đại tiểu phân đường. Tiểu thừa thấy ba tuần dừng lại, Đại thừa thấy từ đầu đến cuối không thay đổi, cho nên nói “tuần thứ hai” là biết chẳng tận lý. Nếu nói không khởi đạo thọ mà đạo đến Lộc uyển, thì đây tức trong Tích, Viên Phật thành tướng. Lại căn cứ ý của bộ thì nghĩa kiêm nơi Biệt. Tiểu căn cơ thấy có quần áo rách rõ ràng, nay đây chính sẽ giáo hóa Tiểu thừa đầu tiên. Đạo tràng tại Tây Nam nước Ma-kiệt-đà cách sông Ny-liên-thuyền không xa. Tây Vực ký nói: Chung quanh cây Bồ-đề chất đầy đá gạch cao ngất kiên cố, chiều Đông Tây rộng, chiều Nam Bắc hẹp, chu vi hơn năm trăm bộ, chính giữa có tòa Kim Cang. Đây tức đạo tràng của hóa Phật trong Tích.

“Giải thích theo Quán tâm Thọ (cây): Nhờ sự thấy lý, Đức Phật lẽ nào không như vậy? Vì sao Đức Phật không quán nhân duyên ư? Vì đây ở Tiểu thừa. Nếu căn cứ Hoa Nghiêm là tối sơ, thì đều phải căn cứ Viên Biệt để phán xét. “Kinh hành”: Đây cũng là giải thích theo Quán tâm. Nếu chỉ giải thích theo sự, thì chỉ là tiệm sơ, nên lại phụ quán căn cứ pháp tướng mà nói. Vì thế nói “Đạo phẩm...”: là giải thích theo sự. “Kinh hành”: đây đủ như luật văn Uy Nghi kinh..., đủ như trong Chỉ Quán quyển hai nói “Xưa ngồi đạo tràng...” văn đầy đủ bốn giải thích. Đầu tiên nói “giả thời...” tức Thế giới, “đắc đạo” tức Vị nhân, “cảm ân báo đức” tức Đối trị, “muốn dùng Đại nghĩ” tức Đệ nhất nghĩa. Nếu

căn cứ giáo, thì ứng với bốn Đức Phật mười hai nhân duyên. Lại dùng Nhân duyên giải thích “cây”, như trong luận Bà-sa thì Vô minh làm căn (gốc)..., đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai nói. Nên vì tế giải thích nêu ra để đối văn nay, tức Vô lậu cùng Thật tướng đều được gọi là “rừng”. “Ba mươi bảy phẩm là hành đạo pháp”: đạo phẩm tức định tuệ quân bình gọi là hành đạo pháp, hướng chi bảy khoa đều là sở hành! Tức là dùng chân định tuệ để bước trên đất thật tướng, lý nhiếp các pháp cho nên nói “nhất thiết”. Đầu tiên an nơi đất này cho nên nói “đắc đạo”, muốn khiến người khác làm trước mình phải tiêu biểu mới mong dưới làm theo. “Cây đất...”: khởi hỏi. “Kinh Vị Tăng Hữu...”: là đáp.

Kinh nói “Trong ba tuần...”: Lại dùng tam thừa mà làm ba căn, do mới thành đạo suy nghĩ thông suốt căn cơ, đầy đủ như văn trước nói: Suy nghĩ độ hai Tiên nhân. Ý Tiểu Vân sơ, là căn cơ chúng sinh tự chưa kham nổi Pháp Hoa, không hẳn ở sau, cho nên dẫn văn sau: đức Phật kia mới thành đạo liền nói Pháp Hoa. Do nay theo lệ đó cho là có căn cứ. Cũng như trong phẩm Phương Tiện, “Nếu chỉ tán thán Phật thừa thì chúng sinh không kham nổi, mới bắt đầu ứng đồng chư Phật mà thiết lập quyền hóa”. Cho nên, nói: “sau ở thành Vương-xá”. “Nếu suy tìm..”: Chương An thông giải thích, hai nơi không khác không thể hoàn toàn sai, cho nên chỉ nói “nếu suy tìm”. Nay phải biện rõ sự sai biệt, vì sao? Nếu dùng Phật tuệ làm Pháp Hoa thì từ đầu đến cuối đều có, nếu dùng hội quy làm Pháp Hoa thì cuối có đầu không. Cho nên biết Đức Phật kia dưới cây Bồ-đề, đầu tiên nói Phật tuệ làm Pháp Hoa, mà Tiểu Vân chưa hiểu ý chỉ đây, liền dùng sơ thành đạo để hiển thuyết hội quy, là không đúng. Cho nên căn cứ theo đây văn lý đều thông, nếu mật nói thì chẳng phải đây luận bàn.

“Ác Sinh vương”: Ca-lợi vương. “Phật thệ”: Khi vua hại Phật, Phật phát đại nguyện: Ta nếu đắc đạo sẽ độ nhà vua trước. “Cam lộ: Chân đế.

“Hỏi: Sao ban đầu độ năm người...?”: trong đáp có sáu văn.

Câu hỏi tuy liên quan đến năm, mà ý chánh là hỏi người, cho nên đều lấy “người” đáp. Tiếp, “Luân vương...”: nêu ba việc để hỏi. Trong đáp có nhân của Luân vương là thiện nghiệp, nhân của Kiều-trần-như là danh dự nghiệp, nhân Phật là xưng tán nghiệp. Cho nên nói Ni-tra.

“Hữu đánh”: là Phi tướng, vì hiển bày âm thanh Phật, chúng sinh ở cõi kia không có nhĩ thức chứ chẳng phải tiếng không đến. Sắc giới chỉ không có hương vị hai thức, còn ngoài ra đều hành. Tuy có ý tứ Tất-đàn, mà tóm lại chỉ là vì hiển bày báo đời trước không đồng, dẫn đến

khiến tiếng vang đến xa gần không đồng. “Nếu y...”: là căn cứ giáo. Trong hai cụm từ “đến Ny-tra vân vân” và “thế giới Ny-tra vân vân”, thì “vân vân” là: lẽ ra nêu rõ Ny-tra trăm ức, Ny-tra mười phương, Ny-tra đến khắp pháp giới, để phân bốn giáo: Đầu vẫn là Tạng. Trăm ức tức là bắt đầu Đại thừa Thông giáo, mười phương và khắp pháp giới tức Biệt và Viên. Vì một thành tất cả thành, mười phương trần sát khởi bốn oai nghi, xen nhau làm chủ bạn. “Sơ chuyển pháp luân... bốn xứ... định”: tiếng đã phân làm bốn, xứ cũng nên như vậy.

“Đại thần biến”: Chẳng phải cho là tiểu vì tiểu thiên lệch đối một cơ, như hóa Ca-diếp để hiển đá vuông, nơi ấy ắt nhất định. “Lại, trừ chuyển pháp luân...”: Tiệm sơ thì định, đây bắt đầu hóa tà nơi kia ắt định. Thông luận một đời, cho nên có thể không định. “Xưa nói tư duy lý giáo...”: Tức dùng ba tuần (hai mươi mốt ngày) dụng đối Đại thừa Lý, Giáo, Hạnh ba thứ, đều không có căn cơ không thọ. “Lại nói khuyên răn”: cũng là sư đây, tức như Thí dụ và Tín giải hai môn Đại thừa đều có dự định thích nghi, không căn cơ, thôi hóa độ. Dùng đối ba thứ đây, cũng có thể như vậy. “Ý của Dao sư”: cũng nói nghi thức giáo hóa chúng sinh, tư duy mà tiêu biểu lý sâu, đâu cần sự, sâu khiến Đại thánh tư duy mà sau hành. “Tiêu biểu Phật bắt đầu tam chu thuyết...”: đây cùng ý kinh Nhân Quả phần lớn đồng. Tứ phần luật Tát-bà-đa đều nói sáu tuần, Hưng Khởi Hạnh kinh nói bảy tuần, Ngũ phần nói tám tuần, Đại luận nói năm mươi tuần. Địa luận... đều nói hai tuần, căn cơ thấy không đồng không nên hòa hợp. Nay lại là giáo tột đỉnh sau cùng cho nên lại y cứ đây. Trong “giải thích theo Quán tâm” lại căn cứ bốn quán để chỉ rõ hóa nghi tức bốn giáo quán bởi vì tối hậu nói pháp phân tích. “Các Phạm vương tuy thỉnh Đại thừa”: hỏi: Làm sao biết được Phạm vương thỉnh Đại thừa? Đáp: Căn cứ lời Phật đáp rằng: Nếu chỉ tán thán Phật thừa... “Nay muốn” cho đến “thủy chung đắc độ”: Nếu không trước Tiểu thừa thì Đại Tiểu đều mất, nếu trước dùng Tiểu thì sau cùng ắt Đại lợi ích.

“Các pháp tịch diệt...”: Hỏi: Trong đây ba giải thích nghĩa có gì sai khác? Đáp: 1. Nhất thuyết dùng quyền thật tương đối, tức thật không thể nói, nói thì thuộc Quyền. Tam quyền là số, cho nên Nhất thật chẳng phải số. 2. Sinh diệt bất sinh diệt tương đối, tức bất sinh diệt không thể tuyên bày, đây là Tiểu Đại tương đối, cũng là sự lý tương đối, cho nên hưởng tam thừa mà nói thông chỉ Đại giáo. Đây căn cứ Lý thật Giáo quyền đối nhau mà biện. 3. Tức là lý thiên chân, đối thiên bốn môn, lý thiên chân cũng không thể tuyên bày, vậy thì Đại tiểu hai lý đều không

thể nói, phương tiện vì chúng sinh đều có thể được nói. Tuy đều có thể nói Phật ý tại Đại thừa, mà chúng sinh đối thật đều chẳng thích hợp, cho nên tư duy phương tiện chẳng phải nói sinh diệt.

“Thọ hành ngộ nhập”: Căn cơ hợp tức “thọ”. Từ nghe quán chuyển tức Noãn pháp trở đi, gọi đó là “hành”. Nếu chuẩn theo Hữu tông thì thời tiết tuy ngăn mà không ngăn ngại đầy đủ trải qua các vị Nội phạm Ngoại phạm, đến Thế Độ nhất gọi đó là “ngộ”. Nếu đắc Sơ quả thì gọi là “nhập”. “Chuyển Phật...”: Đây có hai nghĩa: Nếu căn cứ vượt thời tiết thì thông bốn Như Lai, các pháp đầy đủ tùy gọi mà đến, phạm có nói gì đều là hóa tha, đối tự chứng nói. Nếu dùng viên tự đối tam giáo tha thì đây là căn cứ pháp, cũng gọi là tha. Nay từ đương phần căn cứ tiệm sơ nói, đây là Phật nội chứng cho nên nói “trong tâm”. Chứng có quyền thật, quyền pháp lợi vật cho nên gọi là “tha”.

“Niết-bàn âm”: Do đệ tử thọ hành, phiền não đoạn, ở Niết-bàn, danh sinh cho nên danh làm âm. “Âm” là thanh giáo, là bắt đầu của các giáo cho nên nói “khởi tự nơi đây”. “Tam bảo do đó hiện ở thế gian”: Cũng căn cứ tiệm ban đầu, vả lại tại Tiểu thừa chưa luận nhất thể. “Từ kiếp lâu xa đến nay”: Nói “lâu xa” là căn cứ bên dưới nói nhân duyên đời trước, chính chỉ Phật Đại Thông về sau, do Tiểu thừa thuận thực nên dùng một văn giải thích hai nghi kia. “Văn trên gồm có ý kia”: Tam thừa hạnh nhân đều là Phật tử. Chương chư Phật trên cũng nói “có Phật tử tâm tịnh...”, đều chỉ thời xưa giáo nghe phương tiện đã gọi là “Phật tử”, nhưng nơi giáo xưa chưa thể nói rõ. “Ta liền...”: một hàng cũng chỉ Chung trí... dùng năng hiển sở, sở tức lý. “Lại, căn cứ...”: là lần nữa trong phân văn nói Đại thừa cơ phát cũng gọi là Đòi quả.

Hỏi: Văn trước vì sao bài xích Quang Trạch, nói trong văn pháp thuyết không có Đòi xe ư?

Đáp: Quang Trạch nếu nói tình đòi Đại thì không có lỗi. Nếu dụng làm căn bản cho thí dụ Đòi tiểu quả bên dưới, thì cần phải phá, phá kia dẫn văn cũng lại như vậy.

“Đây nên có bốn câu”:

Hỏi: Văn trước đã căn cứ bốn câu đối căn, trong đây tại sao nói bốn ư?

Đáp: Trước thì đầu tiên đối Nhữ, Lạc đều làm bốn câu, phân biệt Đại tiểu kia bị chướng không đồng, lại dùng bốn câu giải thích xuất Sinh tô và Thục tô, thông đối các giáo bốn căn nghe pháp, tiến hay không có khác có đồng, cho nên trước thì ban đầu lập lại chỉ câu thứ tư ở trong Pháp Hoa. Các văn khác phần nhiều ở bốn vị trước, nay

thời thứ năm mới đối khai ba, riêng một là đại. Nói “tức phát”: Chỉ không khởi đương tòa, thì gọi là “tức”, từ tòa kia đến thì đều là trải qua thời gian (kinh thời), chỉ không vượt qua vị cho nên gọi là “tức”.

“Đòi (sách) có ba ý”: hai ý Đòi đã nói tại cơ tại tình. Trong cơ chỉ nói có nghĩa cảm quả, trong tình đã nói mật cầu mà thôi, cho nên hai ý Đòi trước ở xưa, nói “phát” chỉ ở nay. Xưa nói tuy tức thông nơi bốn vị, mà đây chỉ thời gian mà hai tô đều nghe Đại vì vậy cho nên được nói có hai ý Đòi. Lại nói hai ý Đòi có thông có biệt. Thông thì đều thông hai vị, cơ thì sâu kín ở bên trong, tình thì trong động ở giữa, hai vị đều như vậy cho nên nói thông. Biệt thì hai ý Đòi biệt đối hai vị, ở trong thời Phương-đẳng nghe bất tư nghì, tuy bài xích là phi chẳng có đại lợi, bị bài xích mà không hủy báng tức nghĩa đương nơi Đòi (yêu cầu). Cho nên, biết không hủy báng lý tại hữu cầu. Ở thời Thực-tô là thời Đại dẫn dụ rửa bỏ. Tuy không hy vọng lấy mà chuyển giáo tình thân, dù không nói rõ mà nghĩa Đòi dần dần cần thiết, tuy hai thứ không đồng, cơ xa tình gần. “Đắc, bất đắc”: Là riêng Bồ-tát cũng lợi Thanh-văn, trong tình tiến thoái nghĩa đương nơi Đòi, vậy thì “tình đối cơ” thấy đều nhất định phải ở xưa. Cho đến Bát-nhã thì biệt thọ tên gọi “tình”, đến khi lãnh giải thì dùng cái được để hiển cái mất, cho nên nói “muốn dùng hỏi Thế Tôn là mất hay không mất”. Thỉnh đòi tuy tức mà chỉ có tại giáo nay, cho đến khải thỉnh nói thì cơ tình ắt đầy đủ. Từ chỗ mạnh miệng xin thỉnh, cơ tình cũng sai khác, xưa chỉ ngâm phục ở trong lòng, đối nay mới trợ giúp hiển rõ nơi miệng ba phen đòi xin đều bầu vịu ở Thánh, đến (phó) cũng tự phân hiển mật, thời thuần thực đã hội nhân bên trong đầy đủ, nghe lược nói bởi vì ngoại duyên đầy đủ, nhân duyên đủ nên phát ra lời nói ở đây.

“Hỏi: Xưa ra khỏi nhà...”: là nêu trong phẩm Thí Dụ để hiển bày nay. Kia nói “Các con đến chỗ cha xin ban cho chúng con ba thứ xe báu”, nay sao lại nói “Cơ... đòi thật” ư?

Đáp ý: Khi chưa ra khỏi nhà nghe hứa, khi ra rồi thì không thấy xe đã hứa cho, chỉ thấy người hứa, nên theo người hứa mà đòi cái xưa đã hứa, đã hứa mà không cho ắt có điều sai khác. Cho nên, đòi xưa tại nay vốn là ý cầu xin cái khác.

Nay hỏi: Lộc-uyển thì ra khỏi nhà chỉ bảo đảm Tiểu quả đâu từng đòi xe ư? Đáp: Nếu tại pháp thuyết, thì đến thời Lộc-uyển nghĩa đang ra khỏi nhà. Lại trải qua hai vị hai lần đòi xin tại trong lòng, chỉ thí dụ ngắn mà bao hàm nghĩa dài, đến đầu thời Pháp Hoa, cho nên thí dụ nói các con đến chỗ cha đòi xe, cha bèn cho nhưng đều ban cho xe lớn. Cho

nên kia thí dụ ý bao gồm hai tô.

Phẩm Tín Giải thì thí dụ dài mới khai thể mạng, cho nên phẩm Thí Dụ văn nghĩa bao gồm ba phen đòi xin, phải biết lẽ nào cùng Quang Trạch làm bạn được? “Đều dùng tâm cung kính...”: Ý người khác nói căn cứ cơ luận đến, thẹn Tiểu mộ Đại, là Bát-nhã Phương-đẳng. Cho nên nay phá Cơ, thân đều đến Bát-nhã Phương-đẳng, hưởng chi Pháp Hoa ba nghiệp đều lãnh thọ. Vả lại, giải thích nghĩa thỉnh cho nên nói cơ tình, đến ắt ba nghiệp không thể thiên lệch. “Nay hành dữ thọ ký...”: là tùy tiện thọ ký, lại thọ tám tướng cho nên nói “hành dữ”, lại thọ ký Đại thừa chỉ tại phân biệt công đức, trong đây lại tiểu thừa cho nên nói hạnh cùng. “Xưa chân xưa thành...”: “Xưa chân” chỉ lý, “xưa thành” chỉ quả, xưa La-hán... đã đều là thật, đều được “chân, thành”. Nay Tam thừa đều bài xích thì hai nghĩa đều mất (thất), cho nên nói “cuối cùng biết tại đâu?”. “Lại, Tam thừa đồng học một đạo...”: Đây tức thuật lại thông tam thừa nghi, đã đồng một lý thì chứng chân không sai khác. Chân tuy không khác mà Bồ-tát lúc xưa đã từng được thọ ký. Nếu đã được thọ ký thì vì sao mà nay đều bài xích là phương tiện? Nếu đều là phương tiện thì xưa không nên biệt, cho nên nói: “sao ý có biệt?”. Vì vậy, nên nghi xưa nay, hoặc hai hoặc ba hoặc lý hoặc hạnh. Đã đều là phương tiện thì mất cái chất phác thật chứng, sao lại không nghi? Văn trước nhiều nơi thông bài xích tam giáo, trong đây chỉ bài xích Tạng, Thông hai thứ.

1) Tam thừa đồng chứng chân đế.

2) Chứng hai giáo này đều là quyền.

Nếu lại căn cứ biệt: Đương giáo trong luận tự có chân thật, đã đời phương tiện thì đầu cuối hạnh sai khác. Thông đều nghe bài xích đó cũng sinh nghi. “Như thị Diệu pháp”: Đây đủ như trong Thích Tiêm nói, cho nên nói: chỉ là “pháp Quyền thật”.

Tiếp “Như tam thế...”: trong “dẫn đồng chư Phật” văn đầy đủ hai giải thích. Trước thì căn cứ “Vì Thật thiết lập Quyền”, sau thì căn cứ “khai Quyền hiển Thật”. Lại, văn đầu căn cứ giáo ba quyền một thật. Văn sau căn cứ lý cho nên “có quyền có thật” làm Quyền, “Quyền thật không hai” làm Thật. Đây giải thích thứ hai chỉ là hiển lý Thật giáo trước tức là Quyền thật không hai. Kinh nói: “Huyền viễn...” là: Nếu chuẩn theo kiếp đây sáu, bốn, hai vạn. Vọng dưới Phạm thiên một trăm tám mươi kiếp không vô hữu Phật vẫn chưa gọi là xa, sau đời Phật Di-lặc giảm mười lăm kiếp. Chín trăm chín mươi lăm Đức Phật thứ lớp xuất hiện, nên không nói đây. “Phương tiện có thể là quyền giả”: ý nêu giáo

trước có thể là quyền lập, căn cứ bản hoài của Phật tuy chẳng hư vọng, dùng thật vọng giả cho nên gọi là “quyền giả”. Thiết lập rồi, lại phế bỏ, cuối cùng trở về chân thật. Nay đã nói Thật, cho nên khuyên chớ nghi. “Xưa từ các ông...”: lại trình bày cựu giải trước tuy lược phá mà đều là một đường, cho nên lại dẫn khiến biết đồng hay khác. Nếu ưa đắm các dục đến nỗi xen nhau chọn lựa sai trái thì phạm phu tiểu thừa đều xả bỏ mới có thể kham thọ ký.
